TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phiên; bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Vĩ Khang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 366/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Minh T, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ B, ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam C, Phân trại 2 tại huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị T, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2000, nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị thì lúc mới sống chung thì hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh L thường xuyên uống rượu say nên

dùng những lời lẽ xúc phạm chị. Hiện tại anh L đang chấp hành án 07 năm tù tại Trại giam C về tội "Hiếp dâm". Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; anh L phải chấp hành án tù nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Quốc T1, sinh ngày 01-10-2000 và Phạm Thị Bích T2, sinh ngày 17-01-2004. Hiện tại hai con chung đã thành niên, tự lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 01 năm 2025, bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị T không hạnh phúc và hiện nay anh đang chấp hàng án phạt tù nên chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Quốc T1, sinh ngày 01-10-2000 và Phạm Thị Bích T2, sinh ngày 17-01-2004. Hiện tại hai con chung đã thành niên, tự lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị T, anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh L.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị Minh T được ly hôn với anh Phạm Văn L.

+ Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Phạm Quốc T1, sinh ngày 01-10-2000 và Phạm Thị Bích T2, sinh ngày 17-01-2004, hiện con chung đã thành niên và tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Lê Thị Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Minh T, anh Phạm Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị T; biên bản lấy lời khai của anh L:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D năm 2003, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị T, anh L và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị T tự nguyện sống vợ chồng với anh L, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, anh L thừa nhận có mâu thuẫn vợ chông và hiện nay anh đang chấp hành án tù tại Trại giam C, tỉnh Tây Ninh. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2025, anh L cũng thừa nhận và đồng ly hôn nên ghi nhận. Cho chị Lê Thị Minh T được ly hôn với anh Phạm Văn L.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên là Phạm Quốc T1, sinh ngày 01-10-2000 và Phạm Thị Bích T2, sinh ngày 17-01-2004. Hiện tại con chung đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Minh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Minh T. Cho chị Lê Thị Minh T được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Minh T và anh Phạm Văn L có 02 con chung tên Phạm Quốc T1, sinh ngày 01-10-2000 và Phạm Thị Bích T2, sinh ngày 17-01-2004. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Lê Thị Minh T, anh Phạm Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008075 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho chị Lê Thị Minh T và anh Phạm Văn L biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Dương Minh Châu;
- Chi cục THA DS huyện DMC;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Suối Đá;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn

Formatted: Centered